

Bản án số: 12/2019/HS-ST

Ngày: 17-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thám và bà Võ Thị Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 15/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS ngày 02/4/2019 đối với bị cáo:

Phạm Thị N; sinh ngày 08/4/1987 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 7, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H và bà Trần T tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 14/4/2009 bị Công an phường An Tân, thị xã A xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 300.000 đồng về hành vi đánh nhau, đã chấp hành xong; Ngày 11/02/2011 bị Công an phường A1, thị xã A xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong; bị bắt tạm giữ từ ngày 03/12/2018 đến ngày 12/12/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Trần Minh D, sinh năm 1993; trú tại: Tổ 13, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt

2. Hoàng Kiều O, sinh năm 1993; trú tại: Tổ 12, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 03/12/2018, Phạm Thị N đang ngồi chơi tại nhà chị Hoàng Kiều O tại: Tổ 12, phường A1, thị xã A thì nhận được điện thoại từ số thuê bao 0965236769 do Trần Minh D, sinh năm: 1993; trú tại: Tổ 13, phường A1, thị xã A gọi đến số thuê bao 0934869789 của N hỏi: “Chị có ma túy không bán cho em 02 (hai) viên kẹo (*nghĩa là thuốc lắc*) và 02 (hai) chấm khay (*loại Ketamin, tên thường gọi ma túy khay*)?”. N liền hỏi “Ai vậy?”. D nói: “Em là bạn của V”. Nghe D nói vậy, N đồng ý bán ma túy cho D và hẹn gặp nhau trước nhà bà Sáu Lùn (sát nhà Hoàng Kiều O) đoạn ngay ngã tư giao nhau giữa đường B và đường M thuộc Tổ 12, phường A1, thị xã A để giao ma túy và nhận tiền. Trần Minh D điều khiển xe mô tô BKS 81G1-148.69 chạy xuống địa điểm đã hẹn thì thấy N đang đứng đợi. Thấy D đến, N đi đến gốc cây lộc vừng bên hông nhà bà Sáu Lùn và chỗ giấu bì ma túy bên trong có 02 (hai) viên kẹo và 02 (hai) chấm khay. Phạm Thị N cầm số ma túy trên tay chuẩn bị đưa cho D thì phát hiện lực lượng Công an phường A1 nên N vứt bì ma túy xuống đất ngay tại chỗ N đứng. Công an phường A1 bắt quả tang Phạm Thị N cùng toàn bộ tang vật gồm:

- + 02 (hai) viên nén màu xanh;
- + 02 (hai) bì ni lông bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể;
- + Thu giữ của Phạm Thị N gồm: Số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 57.750.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đồng có số Imel 356774087669917 gắn sim số 0966589159, 01 (một) điện thoại di động Iphone màu xám đen có số Imel 358371065647656 có gắn sim số 0934869789;
- + Thu giữ của Trần Minh D gồm: 01 điện thoại di động Iphone màu xám đen có số Imel 356990063586905 có gắn sim số 0965236769 và 06 (sáu) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Tại kết luận giám định số 53/KLGD ngày 11/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai xác định:

- + 02 (hai) viên nén màu xanh trong bì thư niêm phong là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng 0,7719gam;
- + 02 (hai) gói ni lông trong bì thư niêm phong bên trong có chất màu trắng dạng tinh thể là ma túy, loại Ketamin, tổng khối lượng 0,5048gam.

Quá trình điều tra xác định: Số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 57.750.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) thu giữ

trong người Phạm Thị N thì trong đó có 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) của chị Hoàng Kiều O gửi N đưa cho chị Nguyễn Thị Bích Phượng (sinh năm: 1985; ở tổ 01, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai), nhưng N chưa kịp đưa cho chị Phượng thì bị Công an bắt và tạm giữ toàn bộ số tiền. Xét thấy, số tiền của chị Hoàng Kiều O không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy nên ngày 28/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã đã trả cho chị Hoàng Kiều O số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nói trên.

Tại Bản cáo trạng số: 14/CTr-VKS ngày 15/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- + 02 (hai) viên nén màu xanh, loại MDMA tổng khối lượng 0,719gam;
- + 0,3922gam chất dạng tinh thể màu trắng, loại Ketamine; vỏ bao gói;
- + 02 sim số 0965236769 và 0934869789

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone màu xám đen có số Imel 358371065647656 của Phạm Thị N;

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone màu xám đen có số Imel 356990063586905 của Trần Minh D;

+ Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.000.000đ của Trần Minh D.

Đề nghị trả lại cho bị cáo:

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đồng có số Imel 356774087669917 có gắn sim số 0966589159;

+ Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 7.750.000đ của Phạm Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 03/12/2018 tại Tổ 12, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai bị cáo Phạm Thị N đã thực hiện hành vi bán trái phép 0,7719 gam ma túy loại MDMA và 0,5048 gam ma túy loại Ketamin cho Trần Minh D. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng:

Đối với: 02 (hai) viên nén màu xanh, loại MDMA tổng khối lượng 0,719gam; 0,3922gam chất dạng tinh thể màu trắng, loại Ketamine; vỏ bao gói; 02 sim số 0965236769 và 0934869789 không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xám đen có số Imel 358371065647656 của bị cáo Phạm Thị N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám đen có số Imel 356990063586905 và số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.000.000đ của Trần Minh D là công cụ, phương tiện phạm tội và liên quan đến tội phạm nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 7.750.000đ và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đồng có số Imel 356774087669917 có gắn sim số 0966589159 của bị cáo Phạm Thị N không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần phải tạm giữ một phần tài sản nói trên của bị cáo để đảm bảo thi hành án về dân sự.

[8] Đối với Trần Minh D sử dụng xe mô tô BKS 81G1-148.69 đi mua ma túy về sử dụng nhưng D chưa nhận được ma túy từ N, do đó chưa đủ cơ sở để xử lý Trần Minh D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không thu giữ xe mô tô BKS 81G1-148.69 và không xử lý trách nhiệm hình sự đối với D là có căn cứ.

Phạm Thị N khai nhận đã mua ma túy của một người Phên thông qua một người tên Chi, nhưng N không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của Phên và Chi ở đâu, làm gì. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được lai lịch cụ thể nên tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 03 tháng 12 năm 2018).

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) viên nén màu xanh, loại MDMA tổng khối lượng 0,719 gam; 0,3922 gam chất dạng tinh thể màu trắng, loại Ketamine; vỏ bao gói; 02 sim điện thoại số 0965236769 và số 0934869789.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xám đen có số Imel 358371065647656 của bị cáo Phạm Thị N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám đen có số Imel 356990063586905 và số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.000.000đ của Trần Minh D.

Trả lại cho bị cáo Phạm Thị N: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 7.750.000đ (bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đồng có số Imel 356774087669917 có gắn sim số 0966589159. Tạm giữ 5.200.000đ (năm triệu, hai trăm nghìn đồng) trong số tiền 7.750.000đ của Phạm Thị N để đảm bảo thi hành án về dân sự.

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (17/4/2019), bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tứ Hải

